

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-PT

Ngày: 07 - 4 - 2026

V/v: Hôn nhân gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Hà.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Minh

Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2026/TLPT-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026 về việc “Ly hôn”.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 07/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 16/2026/QĐ-PT ngày 23 tháng 02 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đào Đức S, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Chị Cung Thị H, sinh năm 1975; địa chỉ: Số B đường L, 5, phường B, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H về tài sản: Ông Cung Văn T, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh; có mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn chị Cung Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Đào Đức S trình bày: Anh và chị Cung Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Hà Bắc (Nay là Ủy ban nhân dân xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn năm 1992. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống hạnh phúc được một thời gian. Đến năm 2014 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong làm ăn kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nói nhau. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng mà không được giải quyết nên đến năm 2018, chị H tự ý bỏ nhà đi đến thời điểm hiện nay vẫn không quay về nhà và vợ chồng sống ly thân cắt đứt mọi quan hệ từ năm 2018. Nay, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị H đã sống ly thân từ lâu nên không thể về đoàn tụ để tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với chị Cung Thị H.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh xác định giữa anh với chị Cung Thị H có với nhau 02 con chung là cháu Đào Đức Hai V, sinh năm 1994 và cháu Đào Đức T1, sinh năm 2003. Hiện nay, cả 02 con chung đều đã khôn lớn trưởng thành, phát triển khỏe mạnh, bình thường, sống tự lập được nên ly hôn anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Anh xác định giữa anh với chị Cung Thị H không có tài sản chung, không có tài sản riêng, không vướng mắc gì về đất nông nghiệp cùng công sức đóng góp trong thời gian chung sống, vợ chồng không vay mượn của ai và không cho ai vay mượn gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với phần trình bày và yêu cầu của chị Cung Thị H về việc chia tài sản chung và công nợ, nếu chị H đưa ra các yêu cầu này và yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần báo bị đơn là chị Cung Thị H lên để giải quyết nhưng chị H không đến Tòa án để giải quyết mà chỉ ủy quyền cho ông Cung Văn T gửi các đơn từ yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản. Đến ngày 11/12/2024, bị đơn chị Cung Thị H về Tòa án để làm việc và trình bày như sau: Về quan hệ hôn nhân và con chung chị xác nhận lời trình bày của anh S là đúng. Tuy nhiên, chị không đồng ý ly hôn với anh S vì hiện tại vấn đề tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp trong thời gian chung sống chưa được giải quyết. Chị

đề nghị Tòa án giải quyết dứt điểm vấn đề tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp trong thời gian chung sống với anh S. Sau khi giải quyết xong những vấn đề này thì chị đồng ý ly hôn với anh S.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Chị xác định trong thời gian chung sống giữa chị với anh Đào Đức S có tài sản chung là căn nhà kiên cố ba tầng, mỗi tầng có diện tích 75m² được xây dựng vào năm 1998 trên diện tích đất của bố mẹ chồng chị là ông Đào Đức T2 và bà Lương Thị Đ ở thôn C, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh), chị không nhớ giá trị khi xây dựng, giá trị tại thời điểm hiện tại là bao nhiêu chị cũng không biết nên chị sẽ cung cấp cụ thể cho Tòa án sau.

Ngoài ra, chị với anh Đào Đức S còn nhận khoán diện tích đất nuôi trồng thủy sản 1.500m² ở khu B thuộc thôn C, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) vào năm 2006, thời hạn nhận giao khoán đến năm 2026. Trên diện tích đất này được đào ao nuôi trồng thủy sản, xây dựng trang trại để chăn nuôi, chị không nhớ giá trị xây dựng, giá trị tại thời điểm hiện tại là bao nhiêu chị cũng không biết nên chị cũng sẽ cung cấp cụ thể cho Tòa án sau.

Công nợ, chị xác định chị với anh Đào Đức S còn nợ vợ chồng ông Nguyễn Công T3 và bà Nguyễn Thị T4 ở thôn Đ, xã S, huyện G, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Đ, tỉnh Bắc Ninh) số tiền hơn 100.000.000 đồng, số tiền cụ thể là bao nhiêu chị không nhớ nhưng đã có bản án của Tòa án và quyết định thi hành án của Thi hành án, chị sẽ thu thập để cung cấp cho Tòa án sau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gia Bình (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh) đã ra Thông báo yêu cầu bị đơn chị Cung Thị H giao nộp tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu chia tài sản chung và công nợ, nợ chung. Tuy nhiên, suốt trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Cung Thị H không giao nộp bất cứ một tài liệu, chứng cứ nào liên quan để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Gia Bình - tỉnh Bắc Ninh (Nay là Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh) đã nhiều lần thông báo, triệu tập ông Cung Văn T là người được bị đơn chị Cung Thị H ủy quyền để giải quyết vấn đề tài sản chung và công nợ, nợ chung lên để giải quyết yêu cầu phân chia tài sản chung và công nợ, nợ chung của bị đơn chị Cung Thị H. Nhưng suốt trong quá trình giải quyết vụ án ông Cung Văn T không lên Tòa án để làm việc, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu phân chia tài sản chung và công nợ, nợ chung của bị đơn chị Cung Thị H mà chỉ gửi đơn yêu cầu giải quyết phân chia tài sản chung và công nợ, nợ chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn chị Cung Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, còn người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Cung Văn T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án đã tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt bị đơn chị Cung Thị H cùng người đại diện theo ủy quyền của mình là ông Cung Văn T và lập biên bản không tiến hành hòa giải được.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số: 07/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh đã căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Đào Đức S.

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Đức Sơn được ly hôn chị Cung Thị H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2025, chị Cung Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm cho rằng bản án sơ thẩm xét xử không khách quan, 편 diện, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Chị H đề nghị cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại giai đoạn phúc thẩm, Tòa án nhận được nhiều đơn xin hoãn phiên tòa xét xử ngày 18/3/2026 và đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử ngày 07/4/2026 của chị Cung Thị H và ông Cung Văn T5, ngoài ra không nhận được tài liệu nào khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm lần 2, anh S có mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn. Chị H vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt có nội dung giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý ly hôn và yêu cầu hủy án sơ thẩm. Ông T5 có mặt yêu cầu hủy án sơ thẩm. Các đương sự không ai cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là chị Cung Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí: Chị Cung Thị H phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của chị Cung Thị H nộp trong thời hạn luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của chị Cung Thị H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Thứ nhất, về quan hệ hôn nhân: Anh S và chị H kết hôn năm 1992 trên cơ sở tự do tìm hiểu và có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp. Cả anh S và chị H đều thừa nhận từ năm 2014 quan hệ vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không còn hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế dẫn đến thường xuyên xảy ra xích mích. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và không giải quyết được nên đến năm 2018 chị H đã bỏ nhà đi và vợ chồng sống ly thân từ đó. Nay cả hai đều xác định vợ chồng không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng và mục đích hôn nhân không đạt được. Tuy nhiên, chị H không đồng ý ly hôn vì hiện tại vấn đề tài sản chung, công nợ và công sức đóng góp trong thời gian chung sống chưa được giải quyết. Sau khi giải quyết xong những vấn đề trên thì chị H đồng ý ly hôn với anh S. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bản án sơ thẩm xử cho anh S được ly hôn với chị H là có cơ sở.

Thứ hai, về con chung: Các đương sự đều xác định trong thời gian chung sống có với nhau 02 con chung là cháu Đào Đức Hai V, sinh năm 1994 và cháu Đào Đức T1, sinh năm 2003. Đến nay, 02 con chung đều đã trên 18 tuổi, phát triển khỏe mạnh bình thường nên bản án sơ thẩm không đề cập xem xét, giải quyết là có căn cứ.

Thứ ba, về tài sản chung, công nợ, đất nông nghiệp và công sức đóng góp trong thời gian chung sống: Nguyên đơn là anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị H cùng người đại diện theo ủy quyền của mình là ông Cung Văn T nhiều lần gửi đơn yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng không giao nộp tài liệu, chứng cứ liên quan đến

tài sản yêu cầu phân chia. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không có căn cứ để giải quyết trong cùng vụ án và giải thích cho chị H có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản sau khi ly hôn là phù hợp pháp luật.

Từ những căn cứ nêu trên, xét thấy chị H kháng cáo không đồng ý ly hôn, yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở chấp nhận.

Chị Cung Thị H có quyền khởi kiện vụ án chia tài sản sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3]. Về án phí: Chị Cung Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Cung Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 07/2025/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Bắc Ninh.

2. Về án phí: Chị Cung Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm. Xác nhận chị H đã nộp đủ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000039 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND khu vực 9 - Bắc Ninh;
- THADS khu vực 9 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vương Thị Hà